Nghiên cứu lựa chọn các test đánh giá trình độ tập luyện của nữ vận động viên bóng đá cấp cao ở Việt Nam

ThS. Bùi Thị Hiền Lương

TÓM TẮT:

Nghiên cứu lựa chọn các nội dung kiểm tra đánh giá trình độ tập luyện (TĐTL) cho nữ vận động viên (VĐV) bóng đá cấp cao Việt Nam làm phương tiện để các huấn luyện viên (HLV) kiểm tra, đánh giá, và có căn cứ điều chỉnh quá trình huấn luyện là vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được các test có đủ cơ sở khoa học, đảm bảo đủ độ tin cậy, tính thông báo để ứng dụng trong kiểm tra, đánh giá TĐTL cho nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam.

Từ khóa: *trình độ tập luyện; kiểm tra đánh giá; nữ vận động viên bóng đá cấp cao.*

ABSTRACT:

Research on choosing the examination contents to evaluate training level for female high-level football players of Vietnam as one of means for coaches in testing, evaluating and training adjustable base are needs to be researched. The results have selected sufficient scientific tests and ensured sufficient reliability and notification to apply in testing and assessing training level for female high-level football players in Vietnam.

Keywords: *training level; test and evaluation; female high-level football players.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bóng đá, trình độ tập luyện (TĐLT) của cầu thủ là khả năng biến đổi các chức năng sinh lý, sinh hoá, tâm lý và tố chất thể lực thích nghi ngày càng cao với quá trình luyện tập thi đấu được thể hiện qua sự phát triển thành tích thể thao.

Như vậy có thể thấy, trong huấn luyện thể thao thành tích cao, đặc biệt là đối với các nữ VĐV bóng đá cấp cao, việc xác định các nội dung và xây dựng tiêu chuẩn để đánh giá TĐTL của VĐV trong từng giai đoạn huấn luyện là rất quan trọng. Đây sẽ là cơ sở để các HLV điều chỉnh kịp thời kế hoạch, giáo án nhằm đạt được mục tiêu huấn luyện đã đặt ra. Nội dung bài viết giới thiệu kết quả xác định cơ sở khoa học các chỉ tiêu, các test ứng dụng trong kiểm tra - đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam ở giai đoạn hoàn thiện thể thao.

Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp sau: phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn - toạ đàm; kiểm tra sư phạm; kiểm tra tâm lý; kiểm tra y sinh học; toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Căn cứ ý kiến chuyên gia lựa chọn các chỉ tiêu, các test đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam

Qua tham khảo và tìm hiểu thực trạng công tác đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá tại các câu lạc bộ bóng đá nữ trên toàn quốc và đội tuyển quốc gia, nghiên cứu đã xác định được 30 chỉ tiêu, test đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam. Các chỉ tiêu, test được lựa chọn đều đáp ứng được các yêu cầu trên về góc độ sư phạm và chuyên môn. Các chỉ tiêu, test này cho phép xác định được những năng lực chung và chuyên môn cần thiết cấu thành trình độ tập luyện của nữ VĐV bóng đá cấp cao, bao gồm các test thuộc các nhóm: hình thái; thể lực chung, chuyên môn; kỹ - chiến thuật; tâm lý và y sinh học.

Trên cơ sở đó, tiến hành phỏng vấn 75 HLV, chuyên gia trong và ngoài nước. Để đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam trong quá trình huấn luyện ở giai đoạn hoàn thiện thể thao, đại đa số các đối tượng được phỏng vấn đều lựa chọn các chỉ tiêu và test sau:

- Nhóm yếu tố hình thái (03 chỉ tiêu):

1) Chiều cao đứng (cm). 2) Cân nặng (kg). 3) Chỉ số Quetelet (g/cm).

- Nhóm yếu tố thể lực (08 test):

4) Bật cao tại chỗ (cm). 5) Chạy 30 m xuất phát cao (s).

6) Chạy 60 m xuất phát cao (s). 7) Chạy con thoi 7 50 m (s).

8) Cooper test (m). 9) Yo-Yo IR1 test (m). 10) T test (s).11) Ném biên tại chỗ (m).

Bảng 1. Kết quả xác định tính thông báo các chỉ tiêu, test đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam

TT	Chỉ tiêu, test	Tiền đạo (n = 32)		Tiền vệ (n = 62)		Hậu vệ (n = 60)		Thủ môn (n = 20)	
		$\overline{x} \pm \delta$	r	$\overline{x} \pm \delta$	r	$\overline{x} \pm \delta$	r	$\overline{x} \pm \delta$	r
1	Chiều cao đứng (cm)	164.45±4.34	**0.797**	161.88±4.27	**0.829**	154.32±4.27	**0.765**	160.16±4.20	**0.713**
2	Cân nặng (kg)	51.12±1.30	**0.770**	52.23±1.32	**0.801**	51.11±1.32	**0.739**	53.36±1.34	**0.798**
3	Chỉ số Quetelet (g/cm)	310.85±13.80	**0.684**	322.65±13.80	**0.712**	331.19±13.80	**0.657**	333.17±13.79	**0.703**
4	Bật cao tại chỗ (cm)	42.66±1.04	**0.747**	41.78±1.21	**0.777**	41.29±1.21	**0.717**	39.96±1.37	**0.772**
5	Chạy 30 m xuất phát cao (s)	4.86±0.18	**0.746**	4.97±0.19	**0.776**	5.10±0.19	**0.716**	5.44±0.20	**0.721**
6	Chạy 60 m xuất phát cao (s)	8.11±0.33	**0.771**	7.86±0.34	**0.802**	8.14±0.34	**0.740**	8.48±0.35	**0.789**
7	Chạy con thoi 7 × 50 m (s)	60.44±2.32	**0.765**	62.28±2.53	**0.796**	63.21±2.53	**0.734**	64.86±2.73	**0.721**
8	Cooper test (m)	2798.87±90.68	**0.770**	2877.62±102.35	**0.801**	2824.57±102.35	**0.739**	2688.86±114.01	**0.781**
9	Yo-Yo IR1 test (m)	1989.78±90.34	**0.739**	2033.38±85.74	**0.769**	1888.86±85.74	**0.709**	1787.23±81.14	**0.788**
10	T test (s)	10.86±0.44	**0.779**	10.54±0.45	**0.811**	10.79±0.45	**0.748**	11.23±0.46	**0.698**
11	Ném biên tại chỗ (m)	13.33±0.43	**0.704**	13.61±0.44	**0.732**	13.41±0.44	**0.675**	12.66±0.45	**0.687**
12	Tâng bóng (lần)	79.93±3.15	**0.690**	82.57±3.06	**0.714**	79.68±3.06	**0.666**	76.34±2.96	**0.703**
13	Tâng bóng 12 điểm chạm (lần)	48.21±2.09	**0.752**	43.38±2.11	**0.778**	46.55±2.18	**0.725**	43.22±2.14	**0.703**
14	Short Dribbling test (s)	11.93±0.44	**0.746**	11.46±0.47	**0.772**	12.23±0.47	**0.720**	12.67±0.51	**0.780**
15	Creative speed test (s)	16.25±0.58	**0.735**	16.64±0.71	**0.761**	16.96±0.71	**0.709**	17.53±0.85	**0.877**
16	Sút bóng xa chân thuận (m)	36.86±1.53	**0.761**	37.64±1.59	**0.788**	38.36±1.59	**0.735**	39.99±1.66	**0.706**
17	Sút bóng xa chân không thuận (m)	26.14±1.08	**0.782**	26.68±0.98	**0.809**	27.33±0.98	**0.754**	28.11±0.88	**0.799**
18	Ném biên có đà (m)	18.34±0.85	**0.713**	18.96±0.84	**0.738**	18.28±0.84	**0.688**	17.52±0.83	**0.729**
19	Phản xạ đơn (ms)	181.29±7.85	**0.732**	184.92±7.86	**0.758**	181.37±7.86	**0.707**	176.50±7.87	**0.749**
20	Phản xạ phức (ms)	264.43±11.74	**0.685**	269.63±11.19	**0.709**	264.76±11.19	**0.661**	258.09±10.63	**0.701**
21	Soát vòng hở Landol (bit/s)	59.33±2.17	**0.776**	57.65±2.19	**0.803**	55.34±2.19	**0.749**	53.23±2.20	**0.794**
22	Tần số mạch sau một LVĐ tối đa (lần)	178.04±8.08	**0.807**	172.45±7.22	**0.827**	177.36±7.22	**0.787**	184.81±6.36	**0.734**
23	Ngưỡng yếm khí tốc độ VanT (m/s)	3.43±0.14	**0.736**	3.59±0.13	**0.754**	3.42±0.13	**0.718**	3.28±0.12	**0.688**
24	PWC170 (KGm/phút)	267.53±10.81	**0.756**	277.49±10.65	**0.775**	266.70±10.65	**0.738**	255.50±10.50	**0.695**
25	VO2/kg (ml/ph/kg)	42.41±1.37	**0.708**	43.08±1.48	**0.725**	42.26±1.48	**0.690**	41.14±1.59	**0.715**
26	VO2/HR (ml/mđ)	17.54±0.69	**0.745**	18.46±0.57	**0.763**	17.88±0.57	**0.727**	17.21±0.45	**0.676**
27	VE (lít/ph)	87.24±3.26	**0.715**	88.82±3.34	**0.732**	87.13±3.34	**0.697**	85.11±3.42	**0.711**

Bảng 2. Kết quả xác định độ tin cậy các chỉ tiêu, test đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam

TT	Chỉ tiêu, test	Tiền đạo (n = 32)		r	Tiền vệ (n = 62)		r	Hậu vệ (n = 60)		r	Thủ môn (n = 20)		r
		Lần 1 $\overline{x} \pm \delta$	Lần 2 $\overline{x} \pm \delta$		Lần 1 $\overline{x} \pm \delta$	Lần 2 $\overline{x} \pm \delta$		Lần 1 $\overline{x} \pm \delta$	Lần 2 $\overline{x} \pm \delta$		Lần 1 $\overline{x} \pm \delta$	Lần 2 $\overline{x} \pm \delta$	
1	Chiều cao đứng (cm)	164.45±4.34	164.48±4.44	**0.993**	161.88±4.27	161.91±4.37	**0.982**	154.32±4.27	154.35±4.37	**0.984**	160.16±4.20	160.19±4.29	**0.978**
2	Cân nặng (kg)	51.12±1.30	51.13±1.33	**0.991**	52.23±1.32	52.24±1.35	**0.972**	51.11±1.32	51.12±1.35	**0.981**	53.36±1.34	53.37±1.38	**0.956**
3	Chỉ số Quetelet (g/cm)	310.85±13.80	310.67±14.12	**0.917**	322.65±13.80	322.45±14.12	**0.938**	331.19±13.80	331.00±14.12	**0.963**	333.17±13.79	332.97±14.11	**0.943**
4	Bật cao tại chỗ (cm)	42.66±1.04	42.63±1.07	**0.861**	41.78±1.21	41.75±1.24	**0.804**	41.29±1.21	41.27±1.24	**0.821**	39.96±1.37	39.94±1.41	**0.828**
5	Chạy 30 m xuất phát cao (s)	4.86±0.18	4.87±0.19	**0.879**	4.97±0.19	4.98±0.20	**0.826**	5.10±0.19	5.11±0.20	**0.816**	5.44±0.20	5.45±0.21	**0.831**
6	Chạy 60 m xuất phát cao (s)	8.11±0.33	8.13±0.34	**0.801**	7.86±0.34	7.88±0.35	**0.810**	8.14±0.34	8.16±0.35	**0.831**	8.48±0.35	8.50±0.36	**0.807**
7	Chạy con thoi 7 × 50 m (s)	60.44±2.32	60.59±2.37	**0.806**	62.28±2.53	62.43±2.58	**0.843**	63.21±2.53	63.36±2.58	**0.807**	64.86±2.73	65.02±2.79	**0.855**
8	Cooper test (m)	2798.87±90.68	2799.99±92.80	**0.853**	2877.62±102.35	2878.77±104.73	**0.863**	2824.57±102.35	2825.70±104.73	**0.844**	2688.86±114.01	2689.94±116.66	**0.843**
9	Yo-Yo IR1 test (m)	1989.78±90.34	1992.56±92.44	**0.855**	2033.38±85.74	2036.22±87.74	**0.814**	1888.86±85.74	1891.50±87.74	**0.855**	1787.23±81.14	1789.73±83.03	**0.865**
10	T test (s)	10.86±0.44	10.875±0.45	**0.846**	10.54±0.45	10.555±0.46	**0.807**	10.79±0.45	10.805±0.46	**0.843**	11.23±0.46	11.25±0.47	**0.863**
11	Ném biên tại chỗ (m)	13.33±0.43	13.321±0.44	**0.897**	13.61±0.44	13.600±0.45	**0.810**	13.41±0.44	13.401±0.45	**0.864**	12.66±0.45	12.65±0.46	**0.887**
12	Tâng bóng (lần)	79.93±3.15	80.29±3.22	**0.861**	82.57±3.06	82.94±3.13	**0.843**	79.68±3.06	80.04±3.13	**0.872**	76.34±2.96	76.68±3.03	**0.834**
13	Tâng bóng 12 điểm chạm (lần)	48.21±2.09	48.18±2.14	**0.841**	43.38±2.11	43.35±2.16	**0.864**	46.55±2.18	46.52±2.23	**0.832**	43.22±2.14	43.19±2.18	**0.820**
14	Short Dribbling test (s)	11.93±0.44	11.92±0.45	**0.832**	11.46±0.47	11.45±0.48	**0.872**	12.23±0.47	12.22±0.48	**0.801**	12.67±0.51	12.66±0.52	**0.818**
15	Creative speed test (s)	16.25±0.58	16.24±0.59	**0.897**	16.64±0.71	16.63±0.73	**0.823**	16.96±0.71	16.95±0.73	**0.823**	17.53±0.85	17.52±0.87	**0.813**
16	Sút bóng xa chân thuận (m)	36.86±1.53	36.95±1.56	**0.855**	37.64±1.59	37.73±1.63	**0.887**	38.36±1.59	38.45±1.63	**0.844**	39.99±1.66	40.09±1.69	**0.863**
17	Sút bóng xa chân không thuận (m)	26.14±1.08	26.12±1.11	**0.846**	26.68±0.98	26.66±1.01	**0.877**	27.33±0.98	27.31±1.01	**0.855**	28.11±0.88	28.09±0.90	**0.882**
18	Ném biên có đà (m)	18.34±0.85	18.38±0.87	**0.855**	18.96±0.84	19.01±0.86	**0.862**	18.28±0.84	18.32±0.86	**0.843**	17.52±0.83	17.56±0.85	**0.857**
19	Phản xạ đơn (ms)	181.29±7.85	181.73±8.03	**0.833**	184.92±7.86	185.36±8.04	**0.855**	181.37±7.86	181.81±8.04	**0.865**	176.50±7.87	176.92±8.06	**0.864**
20	Phản xạ phức (ms)	264.43±11.74	264.24±12.01	**0.889**	269.63±11.19	269.44±11.45	**0.884**	264.76±11.19	264.57±11.45	**0.896**	258.09±10.63	257.91±10.88	**0.886**
21	Khả năng tập trung chú ý (P)	3.83±0.09	3.83±0.10	**0.810**	3.75±0.10	3.75±0.10	**0.805**	3.89±0.10	3.89±0.10	**0.817**	4.01±0.11	4.01±0.11	**0.808**
22	Nỗ lực ý chí (P)	2.37±0.09	2.37±0.09	**0.815**	2.41±0.07	2.41±0.08	**0.811**	2.37±0.07	2.37±0.08	**0.822**	2.32±0.06	2.32±0.06	**0.813**
23	Soát vòng hở Landol (bit/s)	59.33±2.17	59.47±2.22	**0.863**	57.65±2.19	57.79±2.24	**0.858**	55.34±2.19	55.47±2.24	**0.870**	53.23±2.20	53.36±2.26	**0.860**
24	Tần số mạch sau một LVĐ tối đa (lần)	178.04±8.08	177.93±8.27	**0.865**	172.45±7.22	172.35±7.39	**0.860**	177.36±7.22	177.25±7.39	**0.872**	184.81±6.36	184.70±6.51	**0.862**
25	Ngưỡng yếm khí tốc độ VanT (m/s)	3.43±0.14	3.44±0.15	**0.855**	3.59±0.13	3.60±0.13	**0.851**	3.42±0.13	3.43±0.13	**0.863**	3.28±0.12	3.29±0.12	**0.853**
26	PWC170 (KGm/phút)	267.53±10.81	268.17±11.06	**0.907**	277.49±10.65	278.16±10.90	**0.902**	266.70±10.65	267.34±10.90	**0.915**	255.50±10.50	256.11±10.75	**0.905**
27	VO2/kg (ml/ph/kg)	42.41±1.37	42.38±1.41	**0.871**	43.08±1.48	43.05±1.52	**0.866**	42.26±1.48	42.23±1.52	**0.878**	41.14±1.59	41.11±1.63	**0.868**
28	VO2/HR (ml/mđ)	17.54±0.69	17.53±0.71	**0.850**	18.46±0.57	18.45±0.59	**0.846**	17.88±0.57	17.87±0.59	**0.858**	17.21±0.45	17.20±0.46	**0.848**
29	VE (lít/ph)	87.24±3.26	87.45±3.34	**0.841**	88.82±3.34	89.03±3.42	**0.837**	87.13±3.34	87.34±3.42	**0.848**	85.11±3.42	85.31±3.50	**0.839**

- Nhóm yếu tố kỹ - chiến thuật (07 test):

12)Tâng bóng (lần). 13)Tâng bóng 12 điểm chạm (lần). 14)Short Dribbling test (s). 15) Creative speed test (s). 16) Sút bóng xa chân thuận (m).

17) Sút bóng xa chân không thuận (m). 18) Ném biên có đà (m).

- Nhóm yếu tố tâm lý (03 chỉ tiêu)

19) Phản xạ đơn (ms). 20) Phản xạ phức (ms).

21) Soát vòng hở Landol (bit/s).

- Nhóm yếu tố y sinh học (06 chỉ tiêu):

22)Tần số mạch sau một LVĐ tối đa (lần). 23)Ngưỡng yếm khí tốc độ VanT (m/s).

24) PWC170 (KGm/phút). 25) VO2/kg (ml/ph/kg). 26) VO2/HR (ml/mđ).

27) VE (lít/ph).

Đại đa số các ý kiến phỏng vấn đều lựa chọn các test trên, đồng thời đều xếp chúng ở mức độ ưu tiên rất quan trọng trong việc đánh giá TĐTL cho nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam. Kết quả phỏng vấn đều có từ 70.00% ý kiến trở lên lựa chọn, trong đó có trên 70.00% số ý kiến lựa chọn xếp ở mức độ từ rất quan trọng đến quan trọng (mức độ ưu tiên 1 và 2). Như vậy, căn cứ ý kiến chuyên gia, nghiên cứu đã lựa chọn được 29 chỉ tiêu, test thuộc 05 nhóm yếu tố cấu thành TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam.

2.2. Xác định tính thông báo của các chỉ tiêu, các test đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam

Để xác định tính thông báo của các chỉ tiêu, các test đã lựa chọn, nghiên cứu tiến hành xác định mối tương quan giữa các chỉ tiêu, các test đã lựa chọn thông qua ý kiến chuyên gia với hiệu suất thi đấu của các VĐV. Quá trình nghiên cứu đã tiến hành kiểm tra sơ bộ trên 174 nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam thuộc đội tuyển quốc gia và các câu lạc bộ bóng đá nữ. Đối tượng kiểm tra được tiến hành theo các vị trí chuyên môn thi đấu (tiền đạo, tiền vệ, hậu vệ, thủ môn). Qua đó tiến hành xác định hệ số tương quan giữa kết quả lập test với hiệu suất thi đấu (thông qua giải vô địch quốc gia năm 2016). Kết quả thu được như trình bày ở bảng 1 cho thấy, cả 27/27 chỉ tiêu, test thuộc 05 nhóm yếu tố thành phần đã lựa chọn đều thể hiện tương quan mạnh có đầy đủ tính thông báo với (với $P < 0.05$) nên có thể ứng dụng trong thực tiễn đánh giá TĐTL cho nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam.

2.3. Xác định độ tin cậy của các chỉ tiêu, các test đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam

Nhằm xác định độ tin cậy của các chỉ tiêu, các test đã qua khảo nghiệm tính thông báo để đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam, nghiên cứu đã tiến hành kiểm tra 2 lần trong điều kiện quy trình, quy phạm như nhau tại cùng một thời điểm. Kết quả thu được trình bày ở bảng 2 cho thấy, cả 27 chỉ tiêu, test đã qua kiểm tra tính thông báo ở cả 04 nhóm đối tượng thuộc các vị trí tiền đạo, tiền vệ, hậu vệ, thủ môn đều có hệ số tin cậy giữa 2 lần kiểm tra ở mức rất cao với $r > 0.800$ với $p < 0.05$. Điều đó cho thấy các chỉ tiêu, test trên thể hiện tương quan mạnh đầy đủ tính thông báo, độ tin cậy, khả thi và phù hợp đối tượng nghiên cứu và điều kiện thực tiễn tại Việt Nam trong đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam theo các vị trí chuyên môn thi đấu.

3. KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu chặt chẽ đã xác lập được một hệ thống các chỉ tiêu, các test chuyên môn đặc trưng đảm bảo độ tin cậy và giá trị thông báo cao nhằm đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao ở Việt Nam phù hợp với giai đoạn hoàn thiện thể thao, bao gồm 27 chỉ tiêu, test thuộc 05 nhóm yếu tố thành phần cấu thành TĐTL, bao gồm:

- Nhóm yếu tố hình thái: 03 chỉ tiêu.
- Nhóm yếu tố thể lực: 08 test.
- Nhóm yếu tố kỹ - chiến thuật: 07 test.
- Nhóm yếu tố tâm lý: 03 chỉ tiêu.
- Nhóm yếu tố y sinh học: 06 chỉ tiêu.

Bằng việc xác định mối tương quan giữa kết quả các lần kiểm tra với hiệu suất thi đấu, xác định mối tương quan giữa 2 lần kiểm tra, kết quả nghiên cứu đã chứng minh được cả 27 chỉ tiêu, test lựa đã chọn đều đảm bảo đủ độ tin cậy, tính thông báo, có thể ứng dụng để kiểm tra, đánh giá TĐTL của nữ VĐV bóng đá cấp cao Việt Nam giai đoạn hoàn thiện thể thao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aulic. I.V (1982), *Đánh giá trình độ luyện tập thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội.

2. Dương Nghiệp Chí, Trần Đức Dũng, Nguyễn Đức Văn, Tạ Hữu Hiếu (2004), *Đo lường thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội

3. Harre. D (1996), *Học thuyết huấn luyện*, Dịch: Trương Anh Tuấn, Bùi Thế Hiển, Nxb TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: được trích từ kết quả nghiên cứu của LATS " Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn đánh giá trình độ tập luyện của nữ vận động viên bóng đá cấp cao ở Việt Nam", ThS. Bùi Thị Hiền Lương, dự kiến bảo vệ 2019.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26/1/2019; ngày phản biện đánh giá: 19/2/2019; ngày chấp nhận đăng: 21/4/2019)